

Tạo đề thi giữa học kỳ 1 môn toán 10. thời gi...

Câu 1 Trong các câu sau, câu nào là mệnh đề?

- A. $2 + 3 = 5$.
- B. Hôm nay trời đẹp quá!
- C. Bạn có khỏe không?
- D. Hãy đóng cửa lại.

Câu 2 Phủ định của mệnh đề $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 \geq 0$ là:

- A. $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 < 0$.
- B. $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 < 0$.
- C. $\exists x \in \mathbb{R}, x^2 \leq 0$.
- D. $\forall x \in \mathbb{R}, x^2 \leq 0$.

Câu 3 Cho tập hợp $A = \{1, 2, 3, 4\}$, $B = \{2, 4, 6\}$. Tập $A \cap B$ là:

- A. $\{1, 2, 3, 4, 6\}$
- B. $\{1, 3\}$
- C. $\{2, 4\}$
- D. $\{6\}$

Câu 4 Cho $A = (-\infty; 5]$, $B = (2; 10)$. Khi đó $A \cap B$ là:

- A. $(2; 5]$
- B. $[2; 5)$
- C. $(2; 10)$
- D. $(-\infty; 10)$

Câu 5 Bất phương trình nào là bất phương trình bậc nhất hai ẩn?

A. $x^2 + y < 1$

B. $\frac{x}{y} + 1 \geq 0$

C. $2x + 3y > 5$

D. $x + y^2 \leq 2$

Câu 6 Điểm nào thuộc miền nghiệm của bất phương trình $x + 2y > 4$?

A. $(0;0)$

B. $(1;1)$

C. $(4;0)$

D. $(2;3)$

Câu 7 Hệ bất phương trình nào sau đây là hệ bất phương trình bậc nhất hai ẩn?

A. $\begin{cases} x^2 + y > 1 \\ x - y \leq 3 \end{cases}$

B. $\begin{cases} x + y > 1 \\ 2x - y \leq 3 \end{cases}$

C. $\begin{cases} \frac{1}{x} + y > 1 \\ x - y \leq 3 \end{cases}$

D. $\begin{cases} x + y > 1 \\ xy \leq 3 \end{cases}$

Câu 8 Cho tam giác ABC có $BC=a$, $CA=b$, $AB=c$. Khẳng định nào đúng theo định lí côsin?

A. $a^2 = b^2 + c^2 + 2bc\cos A$

B. $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc\cos B$

C. $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc\cos C$

D. $a^2 = b^2 + c^2 - 2bc\cos A$

Câu 9 Cho tam giác ABC có $AB=3$, $AC=4$, $\widehat{A}=60^\circ$. Độ dài BC bằng:

A. $\sqrt{37}$

B. 5

C. $\sqrt{13}$

D. 7

Câu 10 Cho tam giác ABC có $a=5$, $b=7$, $\widehat{C}=60^\circ$. Độ dài cạnh c bằng:

A. $\sqrt{109}$

B. $\sqrt{74}$

C. 9

D. $\sqrt{39}$

Câu 11 Cho tam giác ABC có $BC=6$, $\widehat{A}=30^\circ$. Bán kính đường tròn ngoại tiếp R bằng:

A. 3

B. 12

C. 6

D. $3\sqrt{3}$

Câu 12 Cho tam giác ABC có $AB=2$, $AC=3$, $BC=4$. Giá trị $\cos A$ bằng:

A. $\frac{1}{4}$

B. $-\frac{1}{2}$

C. $-\frac{1}{4}$

D. $\frac{1}{2}$

Câu 13 Khẳng định nào đúng về vectơ?

- A. Vectơ là đoạn thẳng.
- B. Vectơ là một số thực.
- C. Vectơ là một điểm.
- D. Vectơ là đoạn thẳng có hướng.

Câu 14 Cho hình bình hành $ABCD$. Đẳng thức vectơ nào đúng?

- A. $\vec{AB} = \vec{CD}$
- B. $\vec{AB} = \vec{BC}$
- C. $\vec{AB} = \vec{DC}$
- D. $\vec{AB} = \vec{AD}$

Câu 15 Cho ba điểm A, B, C phân biệt. Đẳng thức nào đúng?

- A. $\vec{AB} + \vec{AC} = \vec{BC}$
- B. $\vec{AB} - \vec{BC} = \vec{AC}$
- C. $\vec{AB} + \vec{CA} = \vec{BC}$
- D. $\vec{AB} + \vec{BC} = \vec{AC}$

Câu 16 Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho $A(1;2)$, $B(3;4)$. Tọa độ vectơ $\vec{AB}$ là:

- A. $(4;6)$
- B. $(-2;-2)$
- C. $(2;2)$
- D. $(2;-2)$

Câu 17 Trong mặt phẳng tọa độ Oxy , cho $\vec{u}=(2;-3)$, $\vec{v}=(-1;4)$. Tọa độ $\vec{u}+\vec{v}$ là:

A. $(3;-7)$

B. $(1;1)$

C. $(1;-7)$

D. $(-3;7)$

Câu 18 Cho hàm số $y=2x+1$. Điểm nào thuộc đồ thị hàm số?

A. $(1;1)$

B. $(2;3)$

C. $(-1;1)$

D. $(0;1)$

Câu 19 Tập xác định của hàm số $y=\frac{1}{x-2}$ là:

A. $\mathbb{R} \setminus \{2\}$

B. $\mathbb{R}$

C. $[2;+\infty)$

D. $(-\infty;2)$

Câu 20 Đỉnh của parabol $y=-x^2+2x+3$ là:

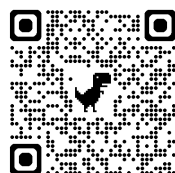
A. $(1;4)$

B. $(-1;0)$

C. $(1;0)$

D. $(2;3)$

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?



Quét QR hoặc truy cập: **diemdanh.app/tao-bai-trac-nghiem**
diemdanh.app